Name: ……..

Class: S7

Tel: 034 200 9294

Vocabulary & Grammar: ……

Listening: ……

Mini Test: ……..

Ngày GV giao bài: Thứ …… ngày ……/…….

Ngày HS nộp bài: Thứ …… ngày ……/…….

WINTER BREAK

VOCABULARY & SPEAKING

Lưu ý: *Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: Con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.*

A. VOCABULARY

Winter Break (Nghỉ đông)

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**ski resort** (n.phr)	khu nghỉ dưỡng trượt tuyết	10	**snowfall** (n)	lượng tuyết rơi, mưa tuyết
2	**ice skating** (n.phr)	môn trượt băng	11	**festive light** (n.phr)	đèn trang trí lễ hội
3	**pine tree** (n.phr)	cây thông	12	**holiday feast** (n.phr)	bữa tiệc ngày lễ
4	**snow-covered** (adj)	bao phủ bởi tuyết	13	**cozy blanket** (n.phr)	chăn ấm áp
5	**hibernation** (n)	sự ngủ đông	14	**winter storm** (n.phr)	cơn bão mùa đông
6	**snowdrift** (n)	đống tuyết (do gió thổi ùn lại)	15	**snow globe** (n.phr)	quả cầu tuyết
7	**frozen lake** (n.phr)	hồ bị đóng băng	16	**hot cocoa** (n.phr)	cacao nóng
8	**thermal wear** (n.phr)	quần áo giữ nhiệt	17	**chimney smoke** (n.phr)	khói lò sưởi
9	**caroling** (n)	hát mừng Giáng sinh	18	**flurry** (n)	cơn gió tuyết nhẹ

B. EXTRA VOCABULARY

- FCE Listening

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**founder** (n)	người sáng lập	5	**envision** (v)	hình dung, mường tượng
2	**editorial** (n)	bài xã luận	6	**prohibit** (v)	cấm
3	**peripheral** (adj)	không quan trọng, ngoài lề	7	**perfectionist** (n)	người cầu toàn
4	**devoted to** (adj)	tận tâm, cống hiến cho			

- PET Listening

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**grant** (n)	khoản tài trợ, trợ cấp	3	**mountaineering** (n)	môn leo núi
2	**environmentalist** (n)	nhà môi trường học	4	**entrant** (n)	người tham gia, thí sinh

***Note:** *n = noun: danh từ;* *n.phr = noun phrase: cụm danh từ;* *adj = adjective: tính từ;* *v = verb: động từ*

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

C. HOMEWORK

I. Circle the correct answer.

0. When someone is talking, it's polite to _____ and listen carefully.

A. catch on *B. fall for* *C. hang on a minute* *D. ancestry*

LIVEWORKSHEETS

1. A group of children enjoyed sliding down a large _____ near the frozen lake.
A. snowdrift B. snowfall C. thermal wear D. cozy blanket
2. Everyone gathered around the fireplace, sipping hot cocoa and enjoying the sight of _____ rising into the night sky.
A. festive B. chimney smoke C. feast D. lights
3. She stayed warm during the outdoor festival thanks to her _____ wear.
A. thermal B. blanket C. flurry D. snow
4. The sparkling _____ on the pine trees made the town square look magical.
A. snowfall B. snow globe C. festive lights D. ice skating
5. After dinner, they gathered in the living room to sing _____ and share stories by the fire.
A. caroling B. flurry C. pine trees D. snowdrift

II. Circle the correct answer.

Winter Wonderland Memories

Question 1: Put the sentences (a–e) in the correct order, then fill in the blank to make a logical text.

Our winter break this year was unforgettable. Everywhere we looked, there were snow-covered pine trees sparkling under the sunlight. _____

a. On the first morning, we woke up to see the ground covered with a thick layer of snowdrift.
b. Later in the day, we bundled up in thermal wear and went sledding on the nearby hill.
c. In the evening, we sat by the fireplace sipping hot cocoa, wrapped in cozy blankets.
d. My sister and I built a giant snowman in the front yard, decorating it with a carrot nose and festive scarf.
e. After playing in the snow, we warmed up inside while watching the snowfall through the window.

A. a – b – e – d – c
B. a – d – b – e – c
C. d – a – b – c – e
D. a – e – d – c – b

Question 2: Choose the sentence that can best end the text.

A. It was a magical experience we'll always remember as a family.
B. We ended the night decorating the snowman again because it fell apart.
C. The snowfall was so heavy that it blocked the door, and we couldn't leave the house.
D. The hot cocoa spilled on the cozy blankets, and we spent the evening cleaning up.

III. Choose the correct verb from the list below and complete the sentences in the correct tense (past simple or present perfect simple). Some words may not be used.

~~visit~~	finish	meet	arrive	lose	make	break	buy

0. We ___***visited***___ *our grandparents last weekend and had a great time.*
1. I _____ my keys, so I can't get into the house.
2. My brother _____ a new bike yesterday, and he's already ridden it around the park.
3. She _____her homework, so now she's watching TV.
4. They _____ the vase when they were playing soccer in the living room.
5. We _____ the new teacher already, and she seems very friendly.

LIVEWORKSHEETS

Lưu ý:
1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

Con hãy làm bài nghe theo link sau:
https://youtu.be/bHcTl3pcoB0

Part 2

You will hear a woman called Britt Foxton talking about women's basketball.
For questions **9–18**, complete the sentences with a word or short phrase.

Women's basketball

Britt first designed her website when she was at
(9) ..... .

Britt's website is now called **(10)** ..... .

Britt says that **(11)** ..... is the main topic now covered by her website.

Britt began writing her book in the month of
(12) ..... .

Britt says that women's basketball has been an Olympic sport since the year
(13) ..... .

The first women basketball players suffered **(14)** ..... as well as discomfort as a result of their clothing.

Britt says that both handkerchiefs and **(15)** ..... were often found on court after early women's games.

Britt mentions **(16)** ..... as something that women basketball players were not allowed to use on court.

Britt tells us about a women's team with the name
(17) ..... .

When talking about her book, Britt describes herself as a
(18) ..... .

LIVEWORKSHEETS

Con hãy làm bài nghe theo link sau:
https://youtu.be/IzBG7YjEM8k

Part 4

22 For each question, choose the correct answer.

You will hear someone talking about an organization that takes young people on expeditions.

20 David has come on the radio programme to

- **A** encourage more young people to go exploring.
- **B** find some new and talented explorers.
- **C** explain how to become an expedition leader.

21 What does David say about the young people who go on the expeditions?

- **A** They must pay the whole cost of the expedition.
- **B** They must have a good understanding of science.
- **C** They must want to learn about the environment.

22 What is true about the summer expeditions?

- **A** They are for young people aged over 18 only.
- **B** They take place in one location.
- **C** They can last up to a year.

23 What did the young people do on the most recent Arctic adventure?

- **A** They studied the geography of the area.
- **B** They took part in various adventure sports.
- **C** They went camping without their leaders.

24 What is true about the Arctic competition?

- **A** One lucky winner will join a group of environmentalists.
- **B** The winners will have the chance to take part in adventure activities.
- **C** The group will spend two months studying climate change.

25 How do people first enter the competition?

- **A** by making a film about the Arctic
- **B** by describing their previous experience of exploring
- **C** by explaining their reasons for wanting to take part

LIVEWORKSHEETS